TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/01/2018.
V/v : *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Lê Thị Xuân Mai.
2/ Ông Nguyễn Kiên Hiển.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 660/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 346/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh P, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Số 212/61/7 đường X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Đình C, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số 242/61/16 đường X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số 212/61/7 đường X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Minh P trình bày:

Bà và ông Võ Đình C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2007 ngày 18/3/2017. Qúa trình

chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Võ Tuyết T, sinh ngày 29/01/1998 và Võ Tuyết L, sinh ngày 13/6/2001.

Vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 212/61/7 X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung thời gian đầu có hạnh phúc, sao đó đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C thường nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, không chăm lo gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông C không lo làm ăn nhưng lại cờ bạc gây nợ nần, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Võ Tuyết T, sinh ngày 29/01/1998 đã trưởng thành.

Bà yêu cầu trực tiếp giữ nuôi con tên Võ Tuyết L, sinh ngày 13/6/2001 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Đình C đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Minh P có đơn xin vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đình C.

Về con chung: Con chung Võ Tuyết T đã trưởng thành. Bà yêu cầu trực tiếp giữ nuôi con tên Võ Tuyết L, sinh ngày 13/6/2001. Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Đình C vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự chấp hành quy định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 407/TLKH-BS do UBND Phường Y, Quận Z cấp ngày ngày 09/11/2016 thì bà Trần Thị Minh P và ông Võ Đình C có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh P yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Võ Đình C nên đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình, cụ thể là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Đình C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Xét tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 05/01/2018 của nguyên đơn bà Trần Thị Minh P đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn không có sự tham gia của bà. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn ông Võ Đình C đã được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án đã lập Biên bản Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án Quận 3 xét xử vắng mặt ông C theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/ Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh P; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của UBND Phường 3 và Công an Phường Y, Quận Z xác định ông Võ Đình C có hộ khẩu thường trú tại 242/61/16 X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C và bà P chung sống với nhau tại địa chỉ 212/61/7 X , Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Qúa trình chung sống địa phương chưa hoà giải vợ chồng lần nào. Tuy nhiên, do thiếu nợ cờ bạc nên đến tháng 7 năm 2017, ông C không còn cư ngụ ở địa chỉ trên, đi đâu không rõ.

Căn cứ lời khai của bà P và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định quá trình chung sống, giữa bà P và ông C có phát sinh mâu thuẫn, bà P và ông C hiện nay không còn chung sống với nhau. Mặt khác, bà P đã nộp đơn ly hôn trước đó nhưng đã rút đơn, tạo cơ hội hàn gắn vợ chồng nhiều lần

nhưng không thành. Từ các căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa bà P và ông C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn với ông C là phù hợp với các điều luật và nhận định đã viện dẫn trên.

3. Xét nguyên đơn bà Trần Thị Minh P yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi con chung tên Võ Tuyết L, sinh ngày 13/6/2001.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, trẻ Võ Tuyết L và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định trẻ Võ Tuyết L hiện tại do bà Trần Thị Minh P nuôi dưỡng; nguyện vọng của trẻ L là muốn được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con bà P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nguyên đơn bà Trần Thị Minh P phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Minh P**.**

1.Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Minh P được ly hôn với ông Võ Đình C.

- ***Về con chung:*** Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung tên Võ Tuyết L.

Con chung Võ Tuyết T, sinh ngày 29/01/1998 đã trưởng thành. Giao trẻ Võ Tuyết L, sinh ngày 13/6/2001 cho bà Trần Thị Minh P trực tiếp giữ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị Minh P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003910 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh P và bị đơn ông Võ Đình C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND Phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Oanh

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND Phường Y, Quận Z;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Oanh